

# Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư đường sắt tốc độ cao theo hình thức đối tác công tư (PPP)

Bùi Xuân Phong

Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông

Lựa chọn đường sắt tốc độ cao (ĐSTĐC) cho phát triển loại hình giao thông mới trên trục Bắc — Nam trong tương lai là hoàn toàn phù hợp và thực sự cần thiết. Chính vì vậy Bộ GTVT đã tiến hành nghiên cứu tiền khả thi dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam để trình Quốc hội. Với hình thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), phương án huy động vốn đầu tư thì vốn nhà nước khoảng 80%, vốn tư nhân khoảng 20%. Vậy làm thế nào để huy được vốn tư nhân, rất cần có nghiên cứu để khuyến nghị, đề xuất với nhà nước. Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP. Đây là những căn cứ để khuyến nghị với các bên liên quan nhằm huy động vốn cho đầu tư ĐSTĐC theo hình thức đối tác công tư PPP.

## 1. Khái quát về hình thức đối tác công tư

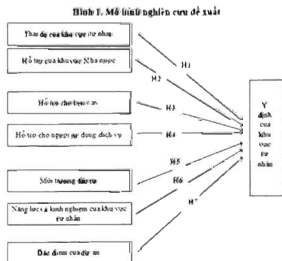
Thuật ngữ đối tác công tư (PPP - Public Private Partnerships) được định nghĩa dưới nhiều khía cạnh và quan điểm khác nhau, tùy theo bối cảnh và mục đích nghiên cứu. PPP ở môi trường Việt Nam được định nghĩa là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng dự án giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

Mối quan hệ trong PPP không phải là quan hệ mua bán mà là quan hệ đối tác cùng nhau thực hiện để đạt được mục đích. Quan hệ đối tác công tư không phải là tư nhân hóa. PPP thường bị nhầm lẫn với tư nhân hóa nhưng thực ra đây là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau thể hiện ở khác biệt về sự tham gia của khu vực tư nhân trong hai hình thức này. Tư nhân hóa tức là tư nhân đòi hỏi sự chuyển giao vĩnh viễn tài sản trước đây thuộc sở hữu Nhà nước cho họ trong khi PPP đòi hỏi tái yếu vai trò tiếp tục của khu vực công như một đối tác trong mối quan hệ với khu vực tư nhân. Khi tư nhân hóa diễn ra trong lĩnh vực KCHT hoặc ngành dịch vụ công ích, hoạt động tư nhân hóa thường đi cùng với những thỏa thuận về quy chế có thể trong lĩnh vực đó, trong đó có xem xét các vấn đề chính sách và xã hội liên quan tới việc bán và tiếp tục vận hành các tài sản được sử dụng cho các dịch vụ công.

## 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa vào lý thuyết hành vi hợp lý, lý thuyết hành vi có kế hoạch và tổng quan các công trình nghiên cứu trước đây, đề xuất mô hình nghiên cứu với biến phụ thuộc là ý định đầu tư và các biến độc lập gồm: (i) Thái

đo của khu vực tư nhân; (ii) Hỗ trợ của khu vực Nhà nước; (iii) Hỗ trợ của bên cho vay; (iv) Hỗ trợ của người sử dụng dịch vụ; (v) Năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân; (vi) Môi trường đầu tư; (vii) Đặc điểm của dự án (Hình 1).



Nghiên cứu định lượng được thực hiện với các nhà đầu tư trong nước với số mẫu là 300 thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi. Dữ liệu thu thập với công cụ hỗ trợ là phần mềm SPSS.20 sẽ dùng để đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua phân tích Cronbach's alpha, kiểm định mô hình và giá thuyết nghiên cứu thông qua phân tích tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính.

## 3. Kết quả mô hình

(i) Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Theo phương pháp phân tích dữ liệu, kích thước mẫu nghiên cứu là 200, đủ lớn để đảm bảo đánh giá độ tin

cây của thang đo. Kết quả tổng hợp giá trị Cronbach's alpha cho từng nhân tố được thể hiện như sau:

Ý định đầu tư: giá trị của Cronbach's alpha là 0.874, tương quan với biến tổng của các biến INT1, INT2, INT3 đều lớn hơn 0.3. Như vậy, thang đo cho ý định đầu tư của khu vực tư nhân đảm bảo độ tin cậy với 03 biến quan sát.

Thái độ của khu vực tư nhân: giá trị của Cronbach's alpha là 0.666, tương quan với biến tổng của các biến AT1, AT2, AT3 đều lớn hơn 0.3. Sau khi loại AT3, Cronbach's alpha là 0.793 và hệ số tương quan biến tổng của các biến còn lại đảm bảo lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo cho thái độ của khu vực tư nhân đảm bảo độ tin cậy với 02 biến quan sát.

Hỗ trợ của khu vực Nhà nước: giá trị của Cronbach's alpha là 0.718, tương quan với biến tổng của các biến SP1, SP2, SP3, SP4, SP5, SP6, SP7, SP8, SP10, SP11 đều lớn hơn 0.3. Riêng biến SP9 — Kinh nghiệm của Nhà nước về PPP có hệ số tương quan biến tổng thấp hơn 0.3 (0.221) nên cần loại bỏ biến này. Sau khi loại SP9, Cronbach's alpha là 0.719 và hệ số tương quan biến tổng của các biến còn lại đảm bảo lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo cho hỗ trợ của khu vực Nhà nước đảm bảo độ tin cậy với 10 biến quan sát.

Hỗ trợ của bên cho vay: giá trị của Cronbach's alpha là 0.503, tương quan với biến tổng của các biến SL1, SL2, SL3 đều lớn hơn 0.3. Riêng biến SL4 — Năng lực và kinh nghiệm của nguồn nhân lực trong tổ chức tin dụng có hệ số tương quan biến tổng thấp hơn 0.3 (0.033) nên cần loại bỏ biến này. Sau khi loại SL4, Cronbach's alpha là 0.735 và hệ số tương quan biến tổng của các biến còn lại đảm bảo lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo cho hỗ trợ của bên cho vay đảm bảo độ tin cậy với 03 biến quan sát.

Hỗ trợ của người sử dụng dịch vụ: giá trị của Cronbach's alpha là 0.742, tương quan với biến tổng của các biến SU1, SU2 đều lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo cho hỗ trợ của người sử dụng dịch vụ đảm bảo độ tin cậy với 02 biến quan sát.

Năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân: giá trị của Cronbach's alpha là 0.580, tương quan với biến tổng của các biến PPA1, PPA2, PPA3, PPA5 đều lớn hơn 0.3. Riêng biến PPA4 — Năng lực quan hệ, có hệ số tương quan biến tổng thấp hơn 0.3 (0.152) nên cần loại bỏ biến này. Sau khi loại PPA4, Cronbach's alpha là 0.726 và hệ số tương quan biến tổng của các biến còn lại đảm bảo lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân đảm bảo độ tin cậy với 04 biến quan sát.

Môi trường đầu tư: giá trị của Cronbach's alpha là 0.825, tương quan với biến tổng của các biến PIE1, PIE2, PIE3, PIE4, PIE5, PIE6, PIE7 đều lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo môi trường đầu tư đảm bảo độ tin cậy với 07 biến quan sát.

Đặc điểm dự án: giá trị của Cronbach's alpha là

0.635, tương quan với biến tổng của các biến PPC2, PPC3 đều lớn hơn 0.3. Riêng biến PPC1 — Phân bổ và chia sẻ rủi ro hợp lý, có hệ số tương quan biến tổng thấp hơn 0.3 (0.245) nên cần loại bỏ biến này. Sau khi loại PPC1, Cronbach's alpha là 0.839 và hệ số tương quan biến tổng của các biến còn lại đảm bảo lớn hơn 0.3. Như vậy thang đo cho đặc điểm dự án đảm bảo độ tin cậy với 02 biến quan sát.

(ii) Kết quả kiểm định mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Kết quả phân tích tương quan

Trước khi kiểm định giả thuyết nghiên cứu, tiến hành kiểm tra mối liên hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc với từng biến độc lập thông qua hệ số tương quan r. Kết quả phân tích tương quan có mức ý nghĩa Sig < 0.01 và các hệ số tương quan dao động trong khoảng từ 0.221 đến 0.424 (thỏa mãn điều kiện  $-1 < r < +1$ ) cho thấy 07 biến độc lập có mối tương quan tuyến tính khá chặt chẽ với biến phụ thuộc là ý định đầu tư (Bảng 1).

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính và kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Phân tích hồi quy tuyến tính về mối quan hệ giữa các nhân tố tác động đến ý định đầu tư thể hiện trong bảng 4.9 như sau:

- Giá trị hệ số R2 điều chỉnh là 0.252, như vậy các biến độc lập giải thích được 25.2% sự biến thiên của biến phụ thuộc.

- Giá trị Sig của F là 0.000 < 0.01 đảm bảo mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy trên 99% và chứng tỏ mô hình này phù hợp với dữ liệu thực tế và đảm bảo độ tin cậy.

- Giá trị nhân tố phóng đại phương sai VIF của các biến độc lập từ 1.212 đến 1.728 (nhỏ hơn 10) cho biết không có hiện tượng đa cộng tuyến trong dữ liệu.

- Phương trình hồi quy được phương pháp Stepwise ước lượng cho thấy 07 nhân tố: hỗ trợ của Nhà nước; môi trường đầu tư; năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân; hỗ trợ của bên cho vay; đặc điểm dự án; thái độ của khu vực tư nhân; hỗ trợ của người sử dụng đều có tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân. Mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và 07 biến độc lập thông qua hệ số hồi quy được biểu diễn dưới dạng phương trình hồi quy như sau:

$$INT = 0.245 + 0.295 PIE + 0.194 AT + 0.166 SU + 0.195 PPC + 0.229 PPA + 0.227 SL + 0.332 SP$$

Trong đó:

INT: Ý định đầu tư; SU: Hỗ trợ của người sử dụng; AT: Thái độ của khu vực tư nhân; PIE: Môi trường đầu tư; PPC: Đặc điểm dự án; PPA: Năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân; SL: Hỗ trợ của bên cho vay; SP: Hỗ trợ của Nhà nước

Các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0 chứng tỏ mối

quan hệ thuận chiều giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Như vậy các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7 đều được chấp nhận.

Bảng 1. Tóm tắt kết quả mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng tới ý định đầu tư

STT	Biến độc lập	Giá trị trong mô hình
1	Môi trường đầu tư	.295*
2	Thái độ của khu vực tư nhân	.194*
3	Hỗ trợ của người sử dụng	.166*
4	Đặc điểm dự án	.195*
5	Năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân	.239*
6	Hỗ trợ của bên cho vay	.227*
7	Hỗ trợ của Nhà nước	.332*
	R <sup>2</sup> điều chỉnh	0.252
	F của mô hình	16.434***

\*p < 0.05. \*\*p < 0.01. \*\*\*p < 0.001

### (iii) Đánh giá kết quả nghiên cứu

Nhân tố thứ nhất: Thái độ của khu vực tư nhân: Kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng thái độ đối với đầu tư vào dự án PPP là yếu tố dự báo quan trọng cho ý định đầu tư và phù hợp với các kết quả từ các nghiên cứu về ứng dụng của lý thuyết hành vi có kế hoạch. Kết quả giải thích thực tế là tất cả các hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân đều được tự xác định và chủ yếu được hướng dẫn bởi thái độ của họ.

Nhân tố thứ hai: Hỗ trợ của Khu vực Nhà nước: Kết quả của nghiên cứu cho thấy hỗ trợ của khu vực Nhà nước tác động tích cực có ý nghĩa đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân. Nhưng hỗ trợ từ Nhà nước đối với đầu tư theo hình thức PPP góp phần nâng cao tính hấp dẫn của một dự án PPP và tạo điều kiện khuyến khích khu vực tư nhân tham gia.

Nhân tố thứ ba: Hỗ trợ của bên cho vay: Kết quả của nghiên cứu cho thấy hỗ trợ của bên cho vay tác động tích cực có ý nghĩa đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân. Chính vì vậy, khu vực tư nhân muốn tham gia vào dự án PPP nên đưa tài chính tài chính tham gia sớm trong quá trình chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Điều này giúp khu vực tư nhân có cơ hội để xác minh tính khả thi và tính hợp lý của kế hoạch tài chính của mình, từ đó làm tăng khả năng thắng thầu. Ngoài ra, nó còn làm giảm khả năng thất bại của dự án do các vấn đề về tài chính.

Nhân tố thứ tư: Hỗ trợ của người sử dụng dịch vụ: Kết quả của nghiên cứu cho thấy hỗ trợ của người sử dụng dịch vụ tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân. Nếu không có được sự đồng tình, ủng hộ và sẵn lòng trả phí dịch vụ sử dụng của người sử dụng sẽ ngăn cản, trì hoãn thực hiện hình thức PPP trong đầu tư ĐSTDC cũng như ý định muốn đầu tư vào các dự án này của khu vực tư nhân.

Nhân tố thứ năm: Môi trường đầu tư: Kết quả của nghiên cứu cho thấy môi trường đầu tư tác động tích cực có ý nghĩa đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân. Sự tồn tại của môi trường đầu tư tốt từ lâu đã được khẳng định là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư và từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khu vực

tư nhân sẽ không quan tâm đến tham gia vào các dự án PPP nếu tình hình đất nước không có lợi. Sự sẵn lòng của các nhà đầu tư tư nhân tham gia vào các dự án PPP phụ thuộc rất nhiều vào môi trường nơi mà các dự án hoạt động.

Nhân tố thứ sáu: Năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân: Kết quả của nghiên cứu cho thấy năng lực và kinh nghiệm của bản thân khu vực tư nhân tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến ý định đầu tư của họ vào các dự án PPP GTĐBViet Nam. Khu vực tư nhân mạnh về nguồn lực đóng vai trò quan trọng để đạt được sự thành công của các dự án PPP ở Việt Nam.

Nhân tố thứ bảy: Đặc điểm dự án: Kết quả của nghiên cứu cho thấy đặc điểm dự án tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân. Một dự án PPP khả thi về kỹ thuật và sinh lời sẽ thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân. Họ sẽ không tham gia vào dự án mà không mang lại lợi nhuận đầu tư tốt.

## 4. Kết luận

Sự tham gia của khu vực tư nhân là cốt lõi để hình thành nên một dự án PPP ĐSTDC. Tuy nhiên, thu hút khu vực tư nhân tham gia vào các dự án theo hình thức đối tác công tư PPP ít được chú ý trong các nghiên cứu công bố trước. Nghiên cứu nhằm lấp đi khoảng trống kiến thức bằng cách điều tra các nhân tố ảnh hưởng đến ý định đầu tư vào các dự án PPP của khu vực tư nhân. Kết quả chỉ ra các nhân tố: thái độ của khu vực tư nhân, hỗ trợ của Nhà nước, hỗ trợ của bên cho vay, hỗ trợ của người sử dụng, môi trường đầu tư, đặc điểm dự án, năng lực và kinh nghiệm của khu vực tư nhân đều ảnh hưởng đến ý định đầu tư của khu vực tư nhân.

Những phát hiện của nghiên cứu này là cơ sở để các bên liên quan chính trong một dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP cùng nỗ lực để khuyến khích sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân trong lĩnh vực ĐSTDC./.

## Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2018), Nghị định số 63/2018/NĐ-CP, đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Viện Kinh tế xây dựng (2013), Dự án sử dụng kinh tế: Điều tra, đánh giá thực trạng đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP): Thế chế pháp lý mới, cơ hội mới. <https://baodautu.vn/dautu-the-hinh-thuc-doi-tac-cong---tu-ppp-the-cho-phap-ly-moi-co-hoi-moi-d108317.html>